

Chủ thể thực hành và bảo vệ di sản tín ngưỡng Nùng, Tày (Trường hợp người thực hành Then trẻ tuổi ở Lạng Sơn)

Lý Viết Trường*

Tóm tắt: Chủ thể thực hành là những cá nhân giữ vai trò trung tâm trong việc duy trì, tái tạo và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. Trong tín ngưỡng Then, người thực hành không chỉ là người gìn giữ tri thức truyền thống mà còn gắn bó với di sản như một phần trong đời sống tâm linh xã hội. Nhận thức được vai trò quan trọng đó, từ đầu năm 2021 đến đầu năm 2025, tác giả đã tiến hành nghiên cứu thực địa nhằm làm rõ vai trò của những người thực hành Then trẻ tuổi (được xác định trong nghiên cứu này là nhóm từ 20-40 tuổi) trong việc bảo vệ và phát huy giá trị của tín ngưỡng Then tại tỉnh Lạng Sơn. Bài viết tập trung phân tích hai phương diện chính: (i) Sự tham gia của người thực hành trẻ trong hành nghề Then tín ngưỡng, và (ii) vai trò của họ trong truyền dạy và quảng bá Then văn nghệ trong bối cảnh đương đại.

Từ khóa: bảo vệ; chủ thể thực hành; Lạng Sơn; người thực hành Then trẻ tuổi; Then.

Ngày nhận: 14/4/2025; ngày chỉnh sửa: 23/6/2025; ngày chấp nhận đăng: 28/02/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.1.5>

1. Mở đầu

Lạng Sơn là tỉnh miền núi nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam. Vị trí địa lý là 21⁰19'-22⁰27'B đến 106⁰06'-107⁰21'Đ. Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Đông giáp Sùng Tả (Quảng Tây, Trung Quốc) với đường biên giới dài 253km, phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Thái Nguyên (Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn 1999: 3). Tính đến năm 2024 toàn tỉnh Lạng Sơn có 814.000 người, trong đó dân tộc Nùng có số lượng lớn nhất với 42,90%, người Tày xếp thứ 2 với 36,08%, người

Kinh xếp thứ 3 với 16,09%, tiếp theo là các tộc người khác như Dao, Hoa, Sán Chay, Mông (Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn 2025), v.v.. Các nhà nghiên cứu cho rằng người Nùng, Tày là tộc người có quan hệ gần gũi về mặt nguồn gốc lịch sử (Viện Dân tộc học 1992), họ là những người đã có công đầu trong việc khai khẩn đất đai, góp phần tạo dựng nên hình hài của vùng đất Lạng Sơn - xứ Lạng (Hoàng Nam 2015: 87-91). Trải qua quá trình lịch sử biến đổi lâu dài, hai tộc người này vẫn có mối quan hệ giao thoa về mọi mặt, nên hiện nay giữa họ ngoài những điểm dị biệt thì có rất nhiều điểm tương đồng về mặt văn hóa - xã hội. Nếu coi văn hóa xứ Lạng là một bức tranh nhiều màu sắc, thì trong đó tín ngưỡng Then là mảng màu quan trọng trong bức tranh văn hóa đó.

* Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, ĐHQG Hà Nội; email: truonglv.ivides@gmail.com

Then trong chữ Nôm Tày được ghép lại từ bộ “khẩu” (口) và chữ “thiên” (天) hợp thành chữ “Then” (𠵼), có nghĩa là người trung gian truyền tải thông tin giữa người trần và thế giới thần linh. Theo phương ngữ, Then còn được gọi là Slin, Xên, Sliên, Bụt, Pút, Mọt, Vụt, Giàng, Chàng, v.v.. Then là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng phổ biến của người Nùng và người Tày ở vùng núi Đông Bắc. Nghiên cứu này lựa chọn tỉnh Lạng Sơn làm địa bàn khảo sát, bởi đây là một trong những không gian cư trú mà thực hành Then vẫn được bảo lưu và duy trì với mật độ và tần suất cao. Tín ngưỡng Then là hình thức trung gian tâm linh, trong đó thầy Then thực hiện các nghi lễ nhằm kết nối con người với thế giới siêu nhiên để giải quyết những vấn đề liên quan đến hôn vía, bệnh tật và vận hạn... Then kết hợp hệ thống thần linh bản địa, quan niệm vũ trụ, nghệ thuật diễn xướng và tri thức dân gian, vì thế có thể xem là sự kết tinh của lịch sử văn hóa và thế giới quan người Nùng, Tày. Trong đời sống cộng đồng, Then gắn với các nghi lễ cầu an, chữa bệnh, cầu mùa, mừng nhà mới, đồng thời củng cố quan hệ gia đình và làng bản. Từ khi hình thành đến nay, Then vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người Nùng và người Tày. Then có ý nghĩa nhân văn cao đẹp, giáo dục con người hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Với vai trò quan trọng như vậy nên cuối năm 2019, Then chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Hoàng Việt Bình chủ biên và Lý Viết Trường 2021: 238).

Với tầm quan trọng đó, nên Then từ lâu đã được quan tâm nghiên cứu, những năm 1960 đến cuối thế kỷ XX, nhiều công trình dân tộc học đã cung cấp cái nhìn khái quát về đời sống văn hóa, tín ngưỡng và tổ chức xã hội của người Nùng, Tày. Tiêu biểu là các nghiên cứu của Lã Văn Lô và Đặng Nghiêm Vạn (1968), Viện Dân tộc học

(1992), Hoàng Nam (1992), La Công Ý (2010), v.v.. Trong đó, Then được nhìn nhận như một loại hình tín ngưỡng dân gian có từ lâu đời, gắn với thế giới tâm linh bản địa, đóng vai trò hỗ trợ tinh thần cho cộng đồng trong những thời điểm bất an, khó khăn của đời sống.

Bên cạnh các công trình tổng quan mang tính nền tảng, những nghiên cứu chuyên sâu về Then ngày càng được quan tâm, đặc biệt từ sau những năm 1990 khi thực hành tín ngưỡng dân gian được hồi sinh. Theo khảo sát tư liệu của tác giả, đã có hơn 170 công trình liên quan đến Then được công bố dưới dạng bài báo khoa học, kỷ yếu hội thảo, luận văn, sách chuyên khảo, v.v.. Trong đó, công trình được xem là mở đầu cho hướng nghiên cứu chuyên biệt về Then là tập *Máy vấn đề về Then Việt Bắc* (Nhiều tác giả 1978), với những nhận định có tính gợi mở về cấu trúc, chức năng và ý nghĩa của loại hình tín ngưỡng này. Các hướng nghiên cứu về Then đã mở rộng đa dạng, bao gồm: Suru tầm và dịch thuật văn bản (Nguyễn Văn Tuấn 2019; Hoàng Việt Bình và Lý Viết Trường 2021); phân tích văn học - nghệ thuật (Nguyễn Thị Yên 2006); nghiên cứu diễn trình nghi lễ và tín ngưỡng (Đoàn Thị Tuyền 1999; Nguyễn Thị Yên 2006); vai trò của thầy Then trong cộng đồng (Lý Viết Trường 2021: 30), v.v..

Mặc dù đã có một khối lượng tài liệu phong phú, tuy nhiên hầu như chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu riêng về người thực hành Then, đặc biệt là người thực hành trẻ trong bối cảnh đương đại. Việc các thầy Then trẻ tuổi ngày càng hiện diện nổi bật trong không gian văn hóa địa phương, đặt ra những câu hỏi mới về vai trò chủ thể, quá trình trao truyền, cũng như mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại trong bảo tồn di sản Then. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành với kỳ vọng đóng góp một góc nhìn bổ sung cho di sản Then, tiếp cận từ thực hành của những người thực hành trẻ tuổi, trên nền tảng kết hợp giữa dữ liệu thực địa, khung lý

thuyết di sản và phân tích liên ngành về văn hóa học, nhân học, di sản học.

2. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết chủ thể di sản

Theo Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, di sản không chỉ là các biểu hiện văn hóa, mà còn là kết quả của quá trình thực hành, sáng tạo và truyền đạt của cộng đồng, nhóm người và đôi khi là cá nhân. Những người này, được gọi là chủ thể di sản, là trung tâm của quá trình duy trì sự sống còn của di sản, thông qua việc thực hành, truyền dạy và thích ứng với bối cảnh xã hội - lịch sử. Smith (2006) nhấn mạnh rằng trong việc bảo tồn, cần vượt qua quan niệm “di sản do chuyên gia định nghĩa”, để công nhận vai trò chủ động của chính cộng đồng sở hữu di sản. Cách tiếp cận mới coi trọng khả năng tái tạo, sáng tạo và trao truyền di sản như một thực hành sống, thay vì chỉ bảo tồn hình thức vật thể.

Tại Việt Nam, nhiều học giả cũng nhấn mạnh vai trò của cộng đồng và cá nhân trong bảo tồn di sản. Nguyễn Thị Hiền (2022: 37) cho rằng, cộng đồng di sản được hiểu là tập hợp các chủ thể văn hóa, những người cùng cư trú trong một môi trường tự nhiên cụ thể, bối cảnh kinh tế, xã hội chung, cùng thừa nhận những di sản văn hóa phi vật thể nhất định là một phần bản sắc văn hóa của họ. Trong công cuộc bảo vệ di sản văn hóa, di sản phải gắn với cộng đồng cư dân địa phương, coi việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của đông đảo công chúng trong xã hội là mục tiêu hoạt động (Nguyễn Thị Thu Trang 2016: 8).

Trên nền tảng lý thuyết này, bài nghiên cứu đặt những người thực hành Then trẻ tuổi vào trung tâm phân tích không chỉ giúp nhận diện đặc điểm nghề nghiệp, phương thức thực hành và năng lực sáng tạo, mà còn góp

phần luận giải cách thức bảo tồn di sản trong thực hành sống động, nơi Then không ngừng được làm mới và thích nghi với đời sống đương đại.

2.2. Phương pháp điền dã dân tộc học

Tác giả tập trung vào tiếp cận “từ bên trong” cộng đồng, với các hình thức như quan sát tham dự, quan sát tham gia, phỏng vấn sâu và ghi chép thực địa. Trọng tâm nghiên cứu là những người thực hành Then trẻ tuổi tại Lạng Sơn, được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu có chủ đích, ưu tiên những cá nhân có vai trò nổi bật trong cộng đồng hoặc được nhìn nhận là có tiềm năng kế thừa di sản.

Từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2024, tác giả tiến hành điền dã dài hạn tại địa bàn nghiên cứu, theo dõi và tham gia cùng người thực hành Then trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ các nghi lễ tín ngưỡng trong gia đình, làng bản đến các chương trình biểu diễn Then trên sân khấu cộng đồng. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn 58 người, gồm 35 nam và 23 nữ; trong đó có 14 thầy Then và 44 người dân có liên quan đến thực hành Then. Về độ tuổi, nhóm 20-30 có 13 người, nhóm 31-40 có 19 người, nhóm 41-50 có 11 người và nhóm từ 50 tuổi trở lên có 15 người. Trong nghiên cứu này, nhóm người thực hành Then trẻ tuổi được xác định là các cá nhân từ 20 đến 40 tuổi đang trực tiếp tham gia thực hành hoặc truyền dạy Then. Nhóm này chiếm tỷ lệ lớn trong mẫu khảo sát, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn để phân tích vai trò của thế hệ trẻ trong việc duy trì và lan tỏa thực hành Then trong bối cảnh đương đại.

Kết hợp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu, nghiên cứu tập trung làm rõ động cơ, nhận thức và vai trò của người trẻ trong thực hành, giảng dạy và truyền lưu Then. Quá trình điền dã nhiều năm cho phép nhận diện không chỉ hình thức nghi lễ mà còn những

chuyên biến trong cách người trong cuộc nhìn nhận Then giữa truyền thống và đời sống đương đại.

Lợi thế của tác giả trong nghiên cứu này là việc thuộc về cộng đồng nghiên cứu, là người đồng tộc, sử dụng thành thạo tiếng Nùng và Tày, đồng thời cũng là người trẻ giúp việc trao đổi, tạo dựng niềm tin và tiếp cận thế giới nội tâm các thầy Then trẻ tuổi trở nên tự nhiên và sâu sắc hơn. Chính yếu tố này đã giúp nhà nghiên cứu thực sự “sống cùng” thực hành, thấu cảm quá trình tái tạo Then trong hiện tại, và từ đó hiểu rõ hơn về động lực và áp lực của việc kế thừa một loại hình di sản đang chuyển mình giữa truyền thống và hiện đại.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Người thực hành di sản là ai?

Theo Điều 3 của Nghị định 39/2024/NĐ-CP, ban hành ngày 16/4/2024 về Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể được định nghĩa là: “Thành viên của cộng đồng chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, người tích cực tái tạo, trao truyền, truyền tải, sáng tạo và định hình văn hóa trong cộng đồng và vì lợi ích của cộng đồng, bằng cách thực hiện, duy trì các thực hành xã hội dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên môn”. Cũng theo nghị định này, nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là: “Người thực hành, nắm giữ và trao truyền các kỹ năng, kỹ thuật, bí quyết và hiểu biết sâu sắc về di sản văn hóa phi vật thể”. Người thực hành và nghệ nhân đều là những chủ thể quan trọng của quá trình bảo tồn và phát huy di sản, họ gắn bó mật thiết với quá trình sáng tạo, lưu giữ và truyền dạy di sản trong cộng đồng. Tuy nhiên, giữa hai khái niệm này vẫn tồn tại sự phân biệt: Người

thực hành là một phạm trù rộng, bao gồm mọi cá nhân tham gia vào quá trình tái tạo và thực hành di sản; trong khi đó, nghệ nhân là những người thực hành đạt tới một trình độ kỹ năng và tri thức sâu sắc, thường được cộng đồng và nhà nước công nhận (Phạm Cao Quý 2021).

Trong khuôn khổ bài viết này, khái niệm “người thực hành Then” bao gồm cả những người đã được nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ nhân (như thầy Phong Sơn), và những người chưa được công nhận chính thức (như Vãn Miệt, Mơ Thịnh, Tiệp Khúc, Biệt Lam). Tất cả những người này đều đã trải qua nghi lễ cấp sắc và được cộng đồng tín nhiệm trong thực hành nghi lễ. Họ không chỉ là những người thực hành tín ngưỡng Then trong đời sống thường nhật, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc truyền dạy, quảng bá và thích ứng hóa loại hình di sản này trong bối cảnh đương đại. Do đó, việc nghiên cứu người thực hành Then giúp soi sáng vai trò của chủ thể di sản trong quá trình bảo vệ di sản Then một cách sống động và thích ứng với thời đại.

3.2. Vài nét về những người thực hành Then trẻ tuổi

Những người thực hành Then được cộng đồng gọi là thầy Then, nữ giới làm Then được gọi là “mè Then”, “nàng Then”; nam giới làm Then được gọi là “ông Then”, “Dàng/Chàng Then”¹, v.v.. Có ba con đường đưa một người bình thường trở thành thầy Then: Những người nổi nghiệp tổ nghề được tổ nghề trao truyền lại; những người có căn Then gọi là “phi phác”; và những người am hiểu về Then, tự nguyện theo nghề (Hoàng Việt Bình chủ biên, Lý Viết Trường 2021: 34). Trong khuôn khổ bài viết này, khái niệm “người thực hành Then trẻ tuổi” được hiểu là những người thực hành nghi lễ Then chưa bước vào độ tuổi trung niên. Theo định

¹ Trong nghiên cứu này gọi chung là thầy Then.

nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), độ tuổi trung niên được xác định từ 40 đến 65 tuổi. Do đó, người thực hành Then trẻ trong nghiên cứu này được xác định là những người dưới 40 tuổi.

Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa tỉnh Lạng Sơn, tính đến năm 2024, toàn tỉnh có 617 người thực hành Then, trong đó có 70 người ở độ tuổi dưới 40. Qua khảo sát thực tế, tôi nhận thấy rằng người thực hành Then của người Nùng, Tày tại Lạng Sơn không giới hạn bởi độ tuổi, giới tính hay thành phần dân tộc. Có người bắt đầu thực hành nghi lễ Then từ khi mới lên mười, trong khi có người đến năm, sáu mươi tuổi mới được cấp sắc để trở thành thầy Then. Hiện nay tỉnh Lạng Sơn có ba người thực hành Then được nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân (Mỗ Thị Kị, Nông Thị Lìn và Mông Thị Sâm), chín người thực hành được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú. Đáng chú ý, nhiều người thực hành Then trẻ có trình độ học vấn cao, trong đó có người đã tốt nghiệp trung học phổ thông, cử nhân, thậm chí thạc sĩ. Một số người thực hành Then đồng thời là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Trong đời sống dân gian, họ được ví như những người vừa giữ vai trò “quan phủ” (cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước)², vừa là “quan đăm” (làm quan trong thế giới tâm linh)³. Chính những người thực hành Then trẻ này đang đóng vai trò tiên phong trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời quảng bá và lan tỏa nét đẹp của Then đến cộng đồng trong nước và quốc tế.

Bài viết này tập trung nghiên cứu năm thầy Then trẻ tuổi, trong đó người lớn tuổi nhất sinh năm 1989 (36 tuổi), còn người trẻ

nhất sinh năm 2002 (23 tuổi). Mặc dù còn trẻ về tuổi đời, nhiều người trong số họ đã có thời gian hành nghề khá dài. Thầy Vĩnh Miệt (sinh năm 1994, nam, cư trú tại thành phố Lạng Sơn) được cấp sắc khi mới 11 tuổi; thầy Mơ Thịnh (sinh năm 2002, nữ, huyện Cao Lộc) bắt đầu thực hành nghi lễ Then từ năm 13 tuổi; thầy Phong Sơn (sinh năm 1991, nam, huyện Tràng Định) vào nghề năm 18 tuổi; Thầy Tiệp Khúc (sinh năm 1994, nam, huyện Bình Gia) bắt đầu hành nghề từ năm 22 tuổi; thầy Biệt Lam (sinh năm 1989, nam, huyện Văn Lãng) chính thức theo nghiệp Then từ năm 29 tuổi. Những trường hợp trên cho thấy sự đa dạng trong độ tuổi khởi nghề của những người thực hành Then, đồng thời phản ánh sự kế thừa, tiếp nối và thích ứng của Then trong bối cảnh hiện nay.

Phần lớn người làm Then ở Lạng Sơn là nông dân, chỉ hành lễ khi được mời, còn thường ngày vẫn làm nông. Tuy nhiên, các thầy Then trẻ có nhiều cách đóng góp khác nhau cho việc bảo tồn và phát huy di sản: Người sưu tầm, dịch lời Then; người nghiên cứu tín ngưỡng; người thu thập pháp khí; người cải biên lời mới cho bài Then văn nghệ; người trực tiếp giảng dạy trong cộng đồng. Những hoạt động này, tuy khác nhau về hình thức, nhưng đều thể hiện tinh thần chủ thể di sản, sự gắn bó và tâm huyết của người thực hành đối với quá trình bảo vệ và làm mới di sản trong đời sống đương đại.

3.3. Người thực hành Then trẻ với việc giữ gìn văn hóa truyền thống

3.3.1. Thực hành Then tín ngưỡng

Xem bói là công việc thường ngày của người thực hành Then. Trong cộng đồng khi nhà nào có sự bất chắc, người ta sẽ tìm đến gặp thầy Then làm lễ bói toán. Nghi lễ này rất đơn giản, khách mang theo gạo, vài đồng tiền để trong phong bao (người nào có điều kiện thì mua thêm hộp bánh, hoa quả), rồi

² “Quan phủ” trong tiếng Nùng, Tày có nghĩa là quan dương, từ này dùng để chỉ những người làm cán bộ công nhân viên chức nhà nước.

³ “Quan đăm” trong tiếng Nùng, Tày nghĩa là quan âm, từ này dùng để chỉ những người làm thầy cúng (Tào, Mo, Pụt, Then). Họ cũng như quan dương, chăm lo cuộc sống của người Nùng, Tày ở thế giới bên kia.

đặt lên bàn thờ Then. Sau khi ngồi lên trên sập và nghe khách trình bày rõ sự việc, thầy Then cầm cây đàn tính, tay lướt trên đàn và đi vào thế giới huyền ảo. Trong quá trình làm Then, thi thoảng thầy lại ngưng câu hát và hỏi khách vài câu, chủ yếu là những thông tin liên quan đến thân thế và biểu hiện mà khách đang gặp phải. Khoảng một tiếng sau, thầy Then dập quạt ba lần rồi dừng đàn và ngồi tại chỗ, thầy phán với khách về nguyên nhân và cách thức giải quyết. Nếu lý do gây nên hiện trạng nhẹ, thì khách tự làm lễ cầu khẩn là xong, nếu phạm phải lỗi nặng thì gia đình phải mời thầy Then lựa ngày mà đến nhà cầu cúng. Thông thường nguyên nhân khiến người ta gặp cảnh khốn đốn, thường liên quan đến những việc làm thường ngày hoặc số mệnh của các thành viên trong gia đình; cũng có thể do trong khi sinh hoạt thường ngày, người ta vô tình làm việc gì đó làm thần linh nổi giận. Sau khi cúng lễ xong, khách để lại gạo và tiền trong phong bao trên bàn thờ tổ nghề Then, những món lễ vật ấy, khách để dành biếu cho thầy Then, coi như lời cảm ơn của họ dành cho thầy Then. Thực tế, nhiều thầy Then không cần phải làm ruộng mà sống nhờ bằng số gạo được biếu khi làm lễ.

Nếu như xem bói là việc quanh năm, thì viết chữ chỉ diễn ra vào thời điểm cuối năm, việc viết chữ liên quan đến tục dán giấy đỏ dịp Tết Nguyên đán. Thầy Then viết bằng chữ Nôm Tày, Nôm Nùng; mực đen và giấy đỏ. Để viết được chữ đẹp, các thầy Then phải luyện viết thường xuyên, Biệt Lam, Phong Sơn là những thầy Then viết chữ rất đẹp, để có được kết quả đó thì mỗi khi có thời gian rảnh họ đều trái giấy ra luyện chữ. Chính họ là những người gìn giữ kho tàng chữ Nôm Tày và Nôm Nùng, truyền ra cho dân gian và truyền lại cho mai sau. Tháng Chạp người ta tìm đến thầy cúng (Tào⁴ hoặc

Then) để nhờ viết chữ, chủ yếu hai loại: Giấy viết chữ dán trên bàn thờ, nội dung là dòng họ của gia chủ, quê hương bản quán; đôi câu đối dán ở hai bên bàn thờ, nội dung là những câu văn đầy tính giáo dục. Sau khi thầy viết xong, khách nhận chữ rồi biếu cho thầy Then một chút tiền cảm ơn, đến chiều 30 Tết thì dán lên bàn thờ tổ tiên (Lý Viết Trường 2019).

Về thực hành Then, có nhiều loại hình nghi lễ, mỗi loại hình đều đáp ứng những nhu cầu khác nhau của đời sống trần tục, như lẩu Then, kỳ án kỳ châm, cầu an, cúng tiền, chữa bệnh, chúc tụng (Ngô Đức Thịnh 2018: 265), v.v.. Mỗi nghi lễ Then, từng cung cửa đều có những ý nghĩa riêng, đằng sau mỗi tên đất, tên người và tên vật đều ẩn chứa những biểu tượng văn hóa. Tùy vào từng nghi lễ và quy mô của lễ Then mà quân Then sẽ trải qua các cung cửa, quãng đường khác nhau; dưới đây là một số lễ nghi chính (Hoàng Việt Bình chủ biên, Lý Viết Trường 2021: 35):

Thổ công
Thành hoàng
Táo quân
Tổ tiên
Pháp sư
Cửa tướng
Đường ve sầu
Khau Khắc Khau Hai
Cửa ông Khuông, ông Khắc
Cửa vượt biển
Chợ Tam Quang
Châu Ngọc Hoàng

Hành trình của một buổi lễ đi làm Then bắt đầu từ việc “tặng Then” (đón Then). Đến ngày làm lễ, gia chủ nhờ họ hàng đến nhà mời thầy Then về làm lễ. Đến nơi, thầy Then lệnh cho gia chủ thắp hương lên và lập bàn thờ tổ nghề, bày lễ vật và bắt đầu tiên hành nghi lễ. Nội dung lời Then chứa đựng những huyền thoại, truyền thuyết về các vị

⁴ Thầy Tào, một loại hình thầy cúng của người Nùng, Tày đảm nhiệm việc thực hành các nghi lễ trong cộng đồng, bao gồm nghi lễ vòng đời, các lễ cúng trừ tà, giải hạn.

thần linh, phong tục tập quán, răn dạy con người việc đối nhân xử thế (Ngô Đức Thịnh 2018: 272-273).

Trong cuộc phỏng vấn tại Văn Lãng vào tháng 3/2025, thầy Biệt Lam cho biết, trong quá trình tiến hành nghi lễ, có những đoạn Then miêu tả về khung cảnh bản nghèo, bản giàu, bản nghiện thuốc phiện, bản nghiện rượu, cảnh vợ chồng phu đồ, cảnh săn hươu nai, v.v.. Thông qua những hình ảnh đó, Then răn dạy người ta sống có đạo đức, vợ chồng yêu thương đùm bọc nhau, con cái hiếu lễ với bậc sinh thành, hết mình với việc bản việc nước.

Hàng năm⁵ các thầy Then thực hiện hàng trăm nghi lễ, nhất là đối với những người thực hành có tên tuổi như thầy Phong Sơn, Vĩnh Miệt, Mơ Thịnh, Tiệp Khúc, v.v.. Ví dụ trường hợp Tiệp Khúc, từ năm 2018 đến năm 2024, thầy thực hành 1.782 nghi lễ, trung bình khoảng 254 nghi lễ một năm. Trong số năm người thực hành Then trẻ, thầy Biệt Lam thực hành ít nghi lễ nhất, vì ngoài vai trò là thầy Then thầy còn là công chức của một đơn vị văn hóa cấp tỉnh, nên thời gian để thực hành nghi lễ bị hạn chế.

Bảng 1: Thống kê số nghi lễ do thầy Tiệp Khúc thực hiện

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Nghi lễ	182	250	263	255	279	288	265

(Nguồn: Sổ ghi chép của thầy Tiệp Khúc)

Trong thực tiễn, nhiều người thực hành Then trẻ ý thức rõ vai trò của mình trong việc lưu giữ và quảng bá di sản. Họ chủ động quay phim, ghi hình các buổi hành lễ để lưu trữ tư liệu, đồng thời sử dụng mạng xã hội (youtube, facebook, zalo, tiktok, v.v..) như một kênh truyền thông nhằm lan tỏa giá trị Then đến cộng đồng. Đó chính là biểu hiện của “bảo vệ động”, tức là bảo vệ di sản thông qua việc tiếp tục thực hành trong đời sống thường nhật, gắn bó chặt chẽ với cộng đồng. Dù cùng thực hành Then, mỗi thầy Then lại có cách tiếp cận khác nhau trong việc giữ gìn hay sáng tạo nghi lễ. Các thầy Biệt Lam, Mơ Thịnh, Tiệp Khúc nhấn mạnh yếu tố linh thiêng của Then, từ đó giữ quan điểm không thay đổi lời cúng hay cấu trúc nghi lễ, luôn tuân thủ lễ lối do thầy tổ truyền dạy. Cách tiếp cận này tương ứng với khuynh hướng “bảo tồn nguyên trạng”, vốn được xem là cách tôn trọng tính

truyền thống của di sản. Tuy nhiên, thực hành nghi lễ là quá trình sống động và linh hoạt. Dù theo hướng giữ nguyên, mỗi nghi lễ vẫn có sự ứng biến tùy theo tên tuổi gia chủ, mục đích cầu cúng, hoặc tâm trạng cá nhân của người thực hành tại thời điểm hành lễ. Như vậy, ngay cả trong quan điểm “giữ nguyên trạng”, thực hành Then vẫn luôn tồn tại yếu tố điều chỉnh theo ngữ cảnh thực tế. Ngược lại, các thầy như Phong Sơn và Vĩnh Miệt coi mỗi nghi lễ là một không gian sáng tạo. Họ chủ động thay đổi lời Then cho phù hợp với hoàn cảnh, nhu cầu và đối tượng hành lễ. Cách làm này thể hiện quan điểm “sáng tạo truyền thống”, một hình thức tiếp biến văn hóa dựa trên nền tảng di sản sẵn có, làm phong phú thêm giá trị của Then trong bối cảnh hiện đại (Lương Văn Hy và Trương Huyền Chi 2012: 235-279).

3.3.2. Học và truyền nghề

Để trở thành người thực hành Then, cá nhân cần đáp ứng được những điều kiện nghiêm ngặt về mặt tín ngưỡng, trước hết

⁵ Tính theo lịch âm.

phải trải qua nghi lễ cấp sắc và tiếp đó là quá trình học nghề dưới sự hướng dẫn của sư phụ. Theo Nguyễn Thị Yên, người học nghề Then cần ghi nhớ các bài cúng, nắm vững thuật bói toán, cách thức tiến hành nghi lễ (Nguyễn Thị Yên 2006)...

Quãng thời gian học nghề thường kéo dài và đầy thử thách, nhất là với những người bắt đầu từ khi còn rất trẻ. Trường hợp thầy Mơ Thịnh, theo nghề từ năm 13 tuổi, cho biết những năm đầu vừa thiếu thốn vật chất, vừa gặp nhiều áp lực tinh thần. Khi theo sư phụ hành lễ, không được phép đòi hỏi thù lao, không được than vãn nhọc nhằn. Sau giai đoạn đầu gian khó, các thầy Then dần có thể hành nghề độc lập, tích lũy đủ kinh nghiệm, xây dựng được uy tín và mạng lưới xã hội riêng.

Hiện nay, dù tuổi đời còn trẻ, nhưng các đối tượng nghiên cứu đều có uy tín trong nghề, được cộng đồng công nhận. Thầy Văn Miệt, 31 tuổi, có hơn 20 năm tuổi nghề; Phong Sơn năm nay 34 tuổi, có 16 năm theo nghề; Biệt Lam, 36 tuổi, người có tuổi nghề ngắn nhất, gần 7 năm kinh nghiệm, nhưng cũng khẳng định được năng lực và xây dựng được mạng lưới xã hội.

Sau khi thành nghề, một số thầy Then tiếp tục truyền dạy cho thế hệ sau. Việc nhận đệ tử trong Then phụ thuộc vào yếu tố “hữu duyên”, nên không phải thầy Then nào cũng có thể dễ dàng truyền nghề. Tuy nhiên, vẫn có những người trẻ đã có đệ tử dù tuổi nghề chưa quá dài, ví dụ thầy Văn Miệt, tuy mới 31 tuổi, nhưng đã đạt cấp bậc 11 dây⁶, có 01 đệ tử. Tinh thần học nghề nghiêm túc và truyền nghề có trách nhiệm của các thầy Then trẻ cho thấy sự chủ động trong bảo tồn và phát huy Then như một di

sản sống. Đây chính là biểu hiện cụ thể của mô hình bảo vệ di sản dựa vào cộng đồng.

3.4. Người thực hành Then trẻ với quảng bá di sản Then

3.4.1. Sư tầm và nghiên cứu

Thế hệ người thực hành Then trẻ ở Lạng Sơn hiện nay nhiều người có trình độ học vấn cao, trong năm thầy Then bài viết đề cập, thì có ba người có bằng cử nhân, trong đó một người đang học sau đại học. Do có trình độ văn hóa nên các thầy Phong Sơn và Biệt Lam đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu về phong tục tập quán truyền thống, đặc biệt là tín ngưỡng Then của các dân tộc Tày và Nùng. Với lợi thế là làm việc tại một cơ quan văn hóa của tỉnh Lạng Sơn, lại có trình độ học vấn, là người nắm giữ di sản nên thầy Biệt Lam đã xuất bản nhiều bài viết về phong tục tập quán Nùng, Tày trên báo chí địa phương⁷. Đặc biệt, mới đây Biệt Lam vừa xuất bản một cuốn sách với chủ đề từ điển, giải nghĩa những biểu tượng, hình ảnh trong kho tàng di sản Then đồ sộ. Ngoài ra Biệt Lam còn thường xuyên được đài truyền hình tỉnh mời viết kịch bản cho các chương trình có nội dung về Then, cũng có khi anh được mời làm chuyên gia của chương trình⁸.

Khác với thầy Biệt Lam, thầy Phong Sơn đặc biệt say mê nghiên cứu tư liệu cổ, trang phục truyền thống, pháp khí và tín vật liên quan đến Then và Tào. Hiện nay thầy được đánh giá là một trong những người am hiểu sâu sắc về chữ Nôm Tày và Nôm Nùng. Nhờ kiến thức chuyên sâu này, thầy thường xuyên được mời tham gia các chương trình

⁶ Cấp bậc của thầy Then được thể hiện qua số lượng dây trang trí trên mũ đội đầu (mũ Then). Người mới được cấp sắc thường mang mũ có 7 dây, và cấp bậc cao nhất tương ứng với 15 dây. Các cấp bậc thăng tiến sẽ lần lượt là 7, 9, 11, 13 và 15 dây, phản ánh quá trình học tập và hành nghề lâu dài của thầy Then trong cộng đồng.

⁷ Hoàng Việt Bình. 2017. “Mùa xuân dự lễ lầu Then khảo Sluông, khai bioóc ở Lạng Sơn”. Tạp chí *Văn nghệ Xứ Lạng* 2(282): 54-57.

Hoàng Việt Bình. 2021. “Tục thờ cúng mẹ Nàng trong gia đình người Nùng ở Lạng Sơn”. Tạp chí *Văn nghệ Xứ Lạng* 2(328): 62-63.

⁸ Cuốn sách *Từ điển văn hóa Then*, do nhà xuất bản Thế Giới ấn hành, năm 2021.

về Then phát sóng trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Lạng Sơn với vai trò là nhân vật trung tâm. Năm 2020, thầy được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam mời tham gia chuyến khảo sát tại tỉnh Hòa Bình về tranh thờ của người Tày. Trong chuyến điền dã này, hiểu biết của thầy đã góp phần quan trọng vào việc giải mã nội dung tranh, phân loại và phục vụ công tác bảo tồn, quảng bá di sản văn hóa. Đến mùa hè năm 2024, thầy Phong Sơn tiếp tục được Phó Giáo sư Nông Đình Sinh (Đại học Văn Nam, Trung Quốc) mời sang Côn Minh (Văn Nam) tham gia chương trình nghiên cứu về văn hóa và phong tục các dân tộc Nùng, Tày.

Những người thực hành Then trẻ không những chỉ thực hiện những chiến lược nghiên cứu mang tính cá nhân, họ còn tích cực hỗ trợ sự nghiệp bảo vệ và quảng bá di sản của tỉnh và trung ương. Trước năm 2019, đoàn thực hiện hồ sơ đưa Then đệ trình lên UNESCO đề nghị công nhận là di sản văn hóa, khi về đến Lạng Sơn đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của những người thực hành Then trẻ tuổi. Họ là những người trực tiếp thực hành để đoàn quay phim, thầy Phong Sơn đã thực hành trích đoạn Then thôi tang với 23 tiết lễ; giới thiệu những người thực hành Then có tên tuổi cho đoàn, đồng hành cùng đoàn đi quay; tham gia dịch lời Then từ tiếng Nùng, Tày ra tiếng Việt.

3.4.2. Truyền dạy và quảng bá

Lạng Sơn là một trong những tỉnh thực hiện tốt chính sách bảo vệ đối với văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các làn điệu dân ca và tín ngưỡng dân gian. Từ năm 2010, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản văn hóa Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thành lập Hội Bảo tồn dân ca, do ông Vi Hồng Nhân làm Chủ tịch. Từ khi ra đời cho đến nay, hội đã có những đóng góp thiết thực vào quá trình phục hưng của di sản văn hóa Lạng Sơn, bằng những công việc cụ thể như nghiên cứu, sưu tầm, truyền dạy. Ngay từ những ngày đầu thành lập Hội Bảo tồn

dân ca, các thầy Then trẻ tuổi đã tích cực tham gia với nhiều vai trò khác nhau. Họ đồng hành cùng Hội trong nỗ lực bảo tồn và phục hồi các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thông qua những hoạt động thiết thực như trực tiếp truyền dạy Then văn nghệ tại cộng đồng. Trong buổi phỏng vấn sâu tháng 8 năm 2024 tại thành phố Lạng Sơn, ông Vi Hồng Nhân (sinh năm 1946), nhận định rằng thầy Phong Sơn có đóng góp đáng kể trong việc bảo vệ và quảng bá di sản Then. Theo ông, thầy Sơn không chỉ thực hành nghi lễ mà còn tích cực truyền dạy cho lớp trẻ, tham gia các hoạt động giới thiệu Then ra cộng đồng, góp phần duy trì và lan tỏa giá trị di sản tại địa phương. Hệ thống các câu lạc bộ do các thầy Biệt Lam và Phong Sơn trực tiếp hướng dẫn đã thu hút hàng trăm học viên trong và ngoài tỉnh tham gia, góp phần tạo nên một mạng lưới thực hành Then rộng khắp và bền vững.

Không chỉ truyền dạy Then, những người thực hành Then trẻ cũng tham gia tích cực vào việc đặt lời, sáng tác những bài Then văn nghệ. Những tác phẩm Then do những người thực hành Then trẻ sưu tầm khi đem ra biểu diễn đều đạt giải cao tại các cuộc liên hoan Then, chương trình văn nghệ quần chúng trong tỉnh, khu vực và toàn quốc. Trong cuộc trò chuyện vào tháng 11/2024, tại Thất Khê, thầy Phong Sơn cho biết: “Nhiều chương trình tiền bồi dưỡng của ban tổ chức trả không đủ cho việc chi trả tiền ăn uống và đi đường, nhưng vì trách nhiệm với công việc chung nên tôi không bao giờ từ chối bất kỳ chương trình nào”. Tháng 4/2025, trao đổi với thầy Vĩnh Miệt cũng cho rằng: “Nhiều chương trình diễn ra trùng với thời gian đi làm lễ, nhưng do chương trình quan trọng nên anh phải hoãn buổi lễ lại để ưu tiên thời gian tham gia sự kiện”. Nhiều thầy Then còn quảng bá Then ra cộng đồng thế giới, đặc biệt là các chuyên lưu diễn tại Pari (Pháp) vào năm 2017 và 2024. Ngoài ra, những người thực hành Then trẻ

của tỉnh Lạng Sơn còn thường xuyên được Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) mời sang biểu diễn Then văn nghệ. Nhiều thầy Then trẻ đã đạt giải cao tại các cuộc thi, đặc biệt là các thầy Phong Sơn, Biệt Lam, Vĩnh Miệt, Mơ Thịnh⁹, v.v..

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube và Tiktok, v.v. những người thực hành Then, đặc biệt là những người thực hành Then trẻ đã chủ động tận dụng các nền tảng này để quảng bá di sản Then đến với công chúng. Nhiều trích đoạn nghi lễ Then do các thầy Then trẻ thực hiện khi được chia sẻ trên Youtube đã thu hút hàng trăm nghìn lượt xem và hàng trăm bình luận tích cực¹⁰. Bên cạnh đó, các bài Then văn nghệ do các thầy Then trẻ như Phong Sơn, Biệt Lam, Vĩnh Miệt, Mơ Thịnh, v.v. biểu diễn cũng nhận được sự quan tâm rộng rãi. Một số kênh youtube chuyên đăng tải nội dung về Then đã đạt tới hàng chục nghìn lượt đăng ký, với hàng trăm video và hàng chục triệu lượt xem, cho thấy sức sống và khả năng lan tỏa của di sản trong không gian số¹¹.

4. Thảo luận

Trong cách tiếp cận đương đại về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, lý thuyết chủ thể di sản đề cao vai trò trung tâm của cộng đồng và cá nhân người thực hành trong việc duy trì, tái tạo và truyền bá di sản. Di sản

không chỉ đơn thuần là những biểu hiện văn hóa cần gìn giữ, mà là một quá trình sống động, được duy trì nhờ vào thực hành thường nhật, khả năng sáng tạo và truyền dạy của chính cộng đồng sở hữu. Tư tưởng này được Smith (2006) tiếp nối và mở rộng khi phê phán diễn ngôn bảo tồn do chuyên gia áp đặt, đồng thời nhấn mạnh vai trò chủ động của các cộng đồng thực hành trong việc kiến tạo và định nghĩa giá trị di sản. Vận dụng lý thuyết này vào trường hợp Then có thể nhận thấy rằng, những người thực hành Then trẻ tuổi ở Lạng Sơn hiện nay chính là những chủ thể di sản sống động. Khác với thế hệ thực hành Then trước đây, thế hệ những người thực hành Then trẻ tuổi thể hiện sự năng động hơn trong việc thích ứng với bối cảnh xã hội mới, sẵn sàng sử dụng công nghệ, mạng xã hội để chia sẻ, giới thiệu và truyền dạy Then. Họ không chỉ tiếp nối nghi lễ từ các thế hệ trước, mà còn đang góp phần định hình diện mạo mới cho Then thông qua nhiều hình thức thực hành sáng tạo: Từ dịch thuật và phổ biến lời Then, truyền dạy cho người trẻ, đến biểu diễn Then trên sân khấu văn nghệ, ghi hình nghi lễ và phổ biến qua mạng xã hội như YouTube, Facebook hay Tiktok, v.v.. Đây là minh chứng rõ nét cho tính linh hoạt và năng lực thích ứng của di sản khi gắn bó với đời sống cộng đồng đương đại.

Đặc biệt, một số người thực hành Then trẻ tuổi như Phong Sơn, Biệt Lam, Vĩnh Miệt, Mơ Thịnh, v.v. từ vai trò chỉ là người hành lễ truyền thống đã tích hợp thêm vai trò là người kể chuyện, truyền thông văn hóa bằng chính ngôn ngữ của thời đại số. Họ không chỉ bảo tồn Then như một nghi lễ thiêng, mà còn mở rộng không gian diễn xướng của Then ra khỏi phạm vi tín ngưỡng bản địa, giúp di sản này lan tỏa đến nhiều tầng lớp công chúng mới, từ người dân địa phương, học sinh, khách du lịch, đến cộng đồng mạng xã hội. Sự hiện diện tích cực của họ cũng góp phần làm mới hình ảnh văn hóa

⁹ Thầy Phong Sơn:

Giải A Liên hoan hát then toàn quốc lần thứ V (năm 2015); giải C trích đoạn nghi lễ: “Lâu Then khai quang cấp sắc” Liên hoan nghệ thuật hát then, đàn tính các dân tộc Tày, Nùng, Thái lần thứ VII (2024)...

Thầy Vĩnh Miệt:

Giải A Liên hoan nghệ thuật hát then, đàn tính các dân tộc Tày, Nùng, Thái lần thứ VII (2024), trích đoạn nghi lễ “Lâu then khai quang cấp sắc”;

¹⁰ Bên cạnh các bình luận khen bài Then hay, người ta còn tỏ thái độ trầm trồ và yêu thích đối với giọng Then.

¹¹ Kênh “Dân ca Tày”; kênh “Nguyễn ĐL”; kênh “Cần làm Vlog”; kênh “Hát Then đàn tính”, v.v..

Nùng, Tày trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Từ đó, có thể thấy việc bảo tồn Then không thể chỉ dừng lại ở việc giữ nguyên hình thức nghi lễ cổ truyền. Thay vào đó, cần nhìn nhận và hỗ trợ vai trò năng động, sáng tạo của các chủ thể trẻ tuổi, những người đang thực hành, truyền dạy và tái tạo di sản trong đời sống thường nhật. Cách bảo tồn này không đặt di sản vào trạng thái bất động, mà thúc đẩy quá trình “sống còn văn hóa” thông qua chính năng lực thích ứng và sáng tạo nội sinh của cộng đồng. Đây cũng là định hướng quan trọng trong chiến lược bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể hiện nay: Bảo vệ từ bên trong, do chính cộng đồng dẫn dắt và kiến tạo.

5. Kết luận

Bài viết đã tập trung phân tích vai trò của những người thực hành Then trẻ trong cộng đồng người Nùng, Tày tại Lạng Sơn hiện nay. Đây là những người trẻ tuổi, có tri thức, có khả năng thích ứng nhanh với xã hội hiện đại, đồng thời vẫn duy trì mối liên hệ sâu sắc với truyền thống tín ngưỡng của cộng đồng. Họ là lực lượng đang trực tiếp thực hiện, duy trì và tái tạo các nghi lễ Then, đồng thời góp phần truyền dạy và quảng bá Then theo những cách thức mới. Người thực hành Then trẻ không chỉ hành lễ theo truyền thống, mà còn sáng tạo lời mới, cải biên các tiết mục biểu diễn, sưu tầm pháp khí và tư liệu cổ, đồng thời tích cực sử dụng mạng xã hội để lan tỏa hình ảnh Then đến công chúng trong và ngoài nước. Họ không đơn thuần “giữ gìn”, mà còn chủ động “làm mới” di sản, biến Then từ một tín ngưỡng địa phương trở thành biểu tượng văn hóa sống động trong không gian đương đại.

Về mặt lý luận, nghiên cứu này góp phần củng cố cách tiếp cận coi cộng đồng là chủ thể trung tâm trong bảo vệ di sản văn hóa

phi vật thể, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của người thực hành trong việc duy trì tính liên tục và năng lực thích ứng của di sản. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể là cơ sở để xây dựng các chính sách hỗ trợ, tôn vinh và phát huy vai trò của người thực hành trẻ trong công cuộc bảo vệ và phát triển di sản văn hóa ở địa phương.

Nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định. Phạm vi nghiên cứu còn hẹp, mới chỉ khảo sát tại một số địa phương thuộc tỉnh Lạng Sơn và chưa triển khai được nghiên cứu đồng bộ, dài hạn do hạn chế về thời gian và kinh phí. Trong tương lai, chủ đề nghiên cứu có thể mở rộng theo các hướng: (i) Khảo sát toàn diện vai trò của người thực hành Then trong hệ sinh thái di sản; (ii) so sánh vai trò của người thực hành Then trẻ với các loại hình thực hành tín ngưỡng khác như Tào, Mo, lên đồng; (iii) mở rộng nghiên cứu so sánh với cộng đồng các dân tộc khác trong và ngoài nước, đặc biệt là theo hướng so sánh xuyên biên giới.

Tài liệu trích dẫn

- Chính phủ. 2024. *Nghị định số 39/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*, ban hành ngày 16/4/2024. Hà Nội.
- Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn. 2025. “Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn năm 2024”. Bản điện tử, đăng ngày 03/01/2025. Truy cập ngày 18 tháng 6 năm 2025. <https://s.pro.vn/4Ptc>.
- Đoàn Thị Tuyền. 1999. “Đạo Then trong đời sống tâm linh của người Tày - Nùng Lạng Sơn”. Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Chuyên ngành Dân tộc học, khóa 40 (1995-1999). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Hoàng Nam. 1992. *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Hoàng Nam. 2015. “Người Tày cổ ở Việt Nam”, trong sách *Cộng đồng Thái – Kadai Việt Nam: những vấn đề phát triển bền vững*. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. 2015. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Hoàng Phê chủ biên. 2003. *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- Hoàng Việt Bình. 2017. “Mùa xuân dự lễ lầu Then khảo Sluông, khai bioóc ở Lạng Sơn”. Tạp chí *Văn nghệ Xứ Lạng* 2: 54-57.
- Hoàng Việt Bình. 2021. “Tục thờ cúng mẹ Nàng trong gia đình người Nùng ở Lạng Sơn”. Tạp chí *Văn nghệ Xứ Lạng* 2(328): 62-63.
- Hoàng Việt Bình (Chủ biên), Lý Viết Trường. 2021. *Từ điển văn hóa Then*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- La Công Ý. 2010. *Đến với người Tày và văn hóa Tày*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Lã Văn Lô và Đặng Nghiêm Vạn. 1968. *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Laurajane, Smith. 2006. *Uses of Heritage*. London: Routledge.
- Lương Văn Hy và Trương Huyền Chi. 2012. “Thương thảo đề tái lập và sáng tạo “truyền thống”: tiến trình tái cấu trúc lễ hội cộng đồng tại một làng Bắc Bộ”, trong sách *Những thành tựu nghiên cứu bước đầu của khoa Nhân học*. Khoa Nhân học. 2012. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lý Viết Trường. 2019. “Tục dán giấy đỏ của người Nùng Phàn Slình trong ngày tết Nguyên đán”. Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật* 2(416): 44-46.
- Lý Viết Trường. 2021. “Đời sống kinh tế của những người làm nghề “cứu nhân độ thế” trong xã hội Nùng, Tày hiện nay”. Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa* 3 (195): 29-36.
- Ngô Đức Thịnh. 2018. *Tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.
- Nguyễn Thị Hiền. 2022. *Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dựa vào cộng đồng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Thị Thu Trang. 2016. “Cộng đồng với việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể”. Tạp chí *Di sản Văn hóa* 1 (54): 6-15.
- Nguyễn Thị Yên. 2006. *Then Tày*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Tuấn. 2019. “Nghiên cứu văn bản Then cấp sắc Nôm Tày tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”. Luận án Tiến sĩ Hán Nôm. Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nhiều tác giả. 1978. *Mấy vấn đề về Then Việt Bắc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Phạm Cao Quý. 2021. *Nghệ nhân thực hành di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- UNESCO. 2003. *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn. 1999. *Địa chí Lạng Sơn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Viện Dân tộc học. 1992. *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*. Hà Nội.